

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN

Bản án số: 66/2024/HS-ST

Ngày: 02/8/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Quân.

2. Ông Ma Ngọc Vũ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Đức Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2024/HSST, ngày 10 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST - HS ngày 19 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Đào Văn H (tên gọi khác: Không) sinh ngày 01 tháng 01 năm 1990 tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Xóm S, xã H, huyện Th, tỉnh C; chỗ ở: Tổ P, phường H1, thành phố B, tỉnh B1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn Ngh và bà Ngô Thanh T (đều đã chết); vợ con chưa có; tiền sự: Không; tiền án: 03 (Bản án số 55/2011/HSPT ngày 30/5/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh C xử phạt 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; Bản án số 240/2014/HSST ngày 18/6/2014 của Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; Bản án số 48/2018/HSPT ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh C xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” chưa được xóa án tích); nhân thân: Tại Bản án số 30/2024/HS-ST ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B1 xử phạt 36 (ba mươi sáu tháng) tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2024 đến nay. Có mặt.

* **Bị hại:** Bà **Ngô Thị Th**, sinh năm 1960; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ 11C, phường Đ, thành phố B, tỉnh B. Vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh **Lý Thanh T**, sinh năm 1991; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ P, phường H, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt.

* **Người làm chứng:** Anh **Vũ Viết T1**, sinh năm 1975; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ 6, phường Đ, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 22/3/2024, Đào Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu xe Wave, màu sơn xanh, trắng, không gắn biển kiểm soát, đi từ nhà anh Lý Thanh T tại tổ P, phường H, thành phố B đến khu vực chợ “BK Mart” thuộc tổ 5, phường S, thành phố B để mua hoa quả. Khi qua cổng chính chợ “BK Mart”, H dựng xe và đi bộ về phía cổng phụ để tìm mua hoa quả, khi đi qua quầy hàng bán hoa quả “Th- Ch” của bà Ngô Thị Th thì thấy bà Th đứng hướng mặt ra ngoài đường đang mải bán hàng cho khách, phía sau cách vị trí bà Th đang đứng khoảng 2m có để 01 (một) chiếc túi xách màu đen trên chiếc ghế nằm dạng ghế gấp, xung quanh không có người nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc túi trên. H đi đến gần vị trí để chiếc túi rồi cúi người xuống, cầm chiếc túi và bỏ đi vào trong cổng chợ. Khi H lấy chiếc túi thì bị anh Vũ Viết T1 chủ cửa hàng cắt tóc gần đó phát hiện đã hô hoán và truy đuổi nên Hoàng bỏ chạy về hướng đường H1 và vứt lại chiếc túi xách vừa trộm cắp được của bà Th trên vỉa hè, cách vị trí bà Th bán hàng khoảng 15m. H chạy được một đoạn thì bị người dân bắt giữ và trình báo cho Công an phường S, thành phố B.

Quá trình tiếp nhận Công an phường S đã tiến hành lập biên bản và thu giữ tang vật là chiếc túi xách màu đen, bên trong có tổng số tiền là 2.680.000đ (Hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 116/KL-HĐĐGTSTXTTTHSTP ngày 28/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố B, tỉnh B1 kết luận: “01 (Một) túi xách màu đen, kích thước 30x40cm, có hai quai xách, chất liệu bằng vải dù và da: Giá trị tài sản là: 0đ (không đồng).

Tại bản cáo trạng số 51/CT-VKSTP ngày 09/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Đào Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm.

...

5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 36 đến 42 tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 36 (ba mươi sáu tháng) tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2024/HS-ST ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B1. Buộc bị cáo Đào Văn H phải chịu hình phạt chung của cả hai bản án từ 72 đến 78 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/3/2024.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu hóa giá nộp vào ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc xe mô tô không gắn biển kiểm soát, dạng xe Wave, màu sơn xanh, trắng, có số máy LC152FMH01435424; số khung: không có; **dung** tích xi lanh không xác định được, xe cũ đã qua sử dụng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội và xin hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Khoảng 17 giờ 30 ngày 22/3/2024, tại quầy hàng bán hoa quả “T- Ch” chợ “BK Mart” thuộc tổ 5, phường S, thành phố B, Đào Văn H đã thực hiện hành vi

lén lút trộm cắp 01 (một) chiếc túi xách màu đen trị giá 0 đồng, bên trong có số tiền 2.680.000đ (hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) là tài sản của bà Ngô Thị Th.

Bản thân bị cáo có 03 tiền án, đã bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm” tại bản án hình sự **phúc** thẩm số 48/2018/**HSPT** ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh C, chưa được xóa án tích. Vì vậy lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhân thân xấu, có 03 tiền án về tội “Cướp giật tài sản” chưa được xóa án tích. Ngày 20/3/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B1 xử phạt 36 (ba mươi sáu tháng) tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm, mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên khi xem xét lượng hình cần phải có một hình phạt thỏa đáng tương ứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2024/HS-ST ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B1 đã xử phạt Đào Văn H 36 (ba mươi sáu tháng) tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án. Hiện nay bản án đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung “Phạt tiền” đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại bà Ngô Thị Th đã nhận lại tài sản bị trộm cắp. Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 (một) chiếc xe **mô tô** không gắn biển kiểm soát, dạng xe Wave, màu sơn xanh, trắng, có số máy LC152FMH01435424; số khung: không có; dụng tích xi lanh không xác định được, xe cũ đã qua sử dụng là tài sản của anh Lý Thanh T mua của một cơ sở phế liệu để sử dụng, không rõ nguồn gốc. Quá

trình điều tra xác định chiếc không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng. Tại phiên tòa và anh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị không nhận lại chiếc xe, do vậy cần tịch thu hóa giá nộp vào ngân sách nhà nước.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Đào Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đào Văn H 40 (Bốn mươi) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 36 (ba mươi sáu tháng) tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2024/HS-ST ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B1. Buộc bị cáo Đào Văn H phải chịu hình phạt chung của cả hai bản án là 06 (sáu) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/3/2024.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu hóa giá nộp vào ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc xe mô tô không gắn biển kiểm soát, dạng xe Wave, màu sơn xanh, trắng, có số máy LC152FMH01435424; số khung: không có; **dung** tích xi lanh không xác định được, xe cũ đã qua sử dụng.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Đào Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND thành phố;
- Cơ quan **CSĐT** Công an thành phố;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Trần Thị Dương